TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 22-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn V**.

2. Ông **Nguyễn M H**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Trần Thị M H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu T** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo: **VI VĂN B** – Sinh ngày: 01-01-1979 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn CT, xã HT, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn H (đã chết); Con bà: Đỗ Thị M – Sinh năm: 1950; Vợ: Giáp Thị H – sinh năm: 1980 (đã ly hôn).

Tiền án:

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Bản án số: 172/HSST ngày 28-11-1996 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tH1nh phố H1 Nội.

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo Bản án số: 55/HSPT ngày 28-8-1997 của Tòa án nhân dân tỉnh T. Tổng H1 với hình phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số: 172/HSST ngày 28-11-1996 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tH1nh phố H1 Nội, buộc bị cáo B chấp H1nh hình phạt chung của cả 02 bản án là 44 tháng tù giam.

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 39/HSST ngày 28-11-2001 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 166/2007/HSST ngày 27-8-2007 của Tòa án nhân dân tH1nh phố Thái Nguyên.

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 79/2011/HSST ngày 28-9-2011 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Bị cáo Vi Văn B bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số: 03/2016/HSST ngày 22-01-2016 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Vi Văn B bị bắt tạm giam ngày 26-10-2022, hiện đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 03/2023/HSST-QĐTG ngày 16 - 01 - 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị cáo: **NGUYỄN THỊ H** – Sinh ngày: 13-10-1972 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Tổ dân phố QT, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Bá L (đã chết); Con bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1941; Chồng: Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1965; Con: Nguyễn Ngọc H – Sinh năm: 1998.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Nguyễn Thị H đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn: 05/2023/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông **Lý Ngọc H** – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

+ Bà **Khương Thị H1** – Sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

+ Ông **Vũ Văn N** – Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

+ Bà **Hoàng Thị H1** – Sinh năm: 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà **Đỗ Thị M** – Sinh năm: 1950; Địa chỉ: Thôn CT, xã HT, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17-10-2022 đến ngày 24-10-2022, bị cáo Vi Văn B là người nghiện ma túy, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên đã nhiều lần trộm cắp tài sản (gà) và mang bán cho Nguyễn Thị H tiêu thụ, cụ thể như sau:

- Khoảng 00 giờ 30 ngày 17-10-2022, bị cáo B mang theo 01 chiếc đèn pin màu trắng xanh; 01 bao tải dứa màu da cam; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím số bên trong lắp 01 sim điện thoại số

0386.845.921 và điều khiển xe đạp (Xe đạp của bà Đỗ Thị M) đi từ nH1 đến nH1 ông Lý Ngọc H. Tới nơi, bị cáo B dựng xe đạp ở bờ tường, giáp với đường liên thôn, sau đó trèo qua tường rào vào chuồng gà nH1 ông H bắt trộm 04 con gà (loại gà ta) cho vào bao tải. Sau đó, bị cáo B gọi điện thoại cho bị cáo H (lưu số điện thoại của bị cáo H trong danh bạ là "Hoê Ga") mục đích hỏi bị cáo H có mua gà không. Bị cáo H đồng ý mua gà, bị cáo B mang gà đến nH1 bị cáo H. Bị cáo H cân 04 con gà được 09kg, thỏa thuận tính giá 80.000đồng/kg, bị cáo H trả bị cáo B 720.000đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 18-10-2022, bị cáo B sử dụng công cụ và phương thức như lần thứ nhất, trộm cắp của bà Hoàng Thị H1 01 con gà trống (loại gà chọi) và trộm cắp của bà Khương Thị H1 04 con gà (loại gà ta). Bị cáo B bán cho bị cáo H 04 con gà (loại gà ta) trọng lượng 05kg được 400.000đồng và 1 con gà trống (loại gà chọi) được 500.000đồng. Tổng 05 con gà bán được 900.000đồng. Ngoài ra, bị cáo B vay của bị cáo H số tiền 300.000đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 19-10-2022, bằng phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo B tiếp tục trộm cắp của bà Khương Thị H1 04 con gà (loại gà ta) trọng lượng 07 kg và bán cho bị cáo H được 560.000đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 22-10-2022, bằng phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo B tiếp tục trộm cắp của bà Hoàng Thị H1 01 con gà (loại gà chọi) và trộm cắp của bà Khương Thị H1 03 con gà (loại gà ta). Bị cáo B bán cho H 01 con gà (loại gà chọi) được 500.000đồng; 03 con gà (loại gà ta) trọng lượng 07kg được 560.000 đồng. Tổng bán 04 con gà được 1.060.000 đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 23-10-2022, bằng phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo B trộm cắp của ông Lý Ngọc H 07 con gà (loại gà ta) trọng lượng 09 kg và bán cho bị cáo H được 720.000 đồng.

- Khoảng 03 giờ ngày 23-10-2022, bằng phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo B trộm cắp của ông Vũ Văn N 07 con gà (loại gà ta), trọng lượng 11,5kg và bán cho bị cáo H được 920.000 đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 24-10-2022, bằng phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo B trộm cắp của ông Lý Ngọc H được 02 con gà (loại gà ta) và trộm cắp của bà Khương Thị H1 03 con gà (loại gà ta). Bị cáo B bán cho bị cáo H 05 con gà trọng lượng 11,5 kg được 920.000đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo B đến khu vực xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để mua ma túy của một người đàn ông (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) và sử dụng bằng hình thức tiêm, chích ma túy vào cơ thể.

Toàn bộ quá trình bị cáo Nguyễn Thị H mua gà của bị cáo Vi Văn B, bị cáo H đều biết toàn bộ số gà đó là tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có nhưng do ham giá rẻ nên bị cáo H đồng ý mua (Giữa bị cáo H không hứa hẹn với bị cáo B về việc mua gà trộm cắp). Sau đó, bị cáo H đã bán số gà trên cho khách (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ người mua) không xác định được số tiền lãi từ việc bán gà.

Kết luận số: 70/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 26-10-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh T: 03kg gà trống, loại gà chọi trị giá 510.000đ; 2,5kg gà mái, loại gà chọi trị giá 375.000đ; 72 kg gà ta trị giá

7.920.000đ. Tổng giá trị tài sản là 8.805.000đ (*Tám triệu tám trăm linh năm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Vi Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực H1nh quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vi Văn B, bị cáo Nguyễn Thị H. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ H1nh vi phạm tội và thái độ tH1nh khẩn khai báo của các bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Vi Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuyên bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26-10-2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 22-02-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh T nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Lý Ngọc H số tiền 2.970.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Khương Thị H1 số tiền 2.937.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Vũ Văn N số tiền 1.650.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị H1 số tiền 885.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- 01 Bao tải dứa màu da cam đã cũ, đã qua sử dụng.

- 01 Chiếc đèn pin, màu trắng xanh, đã cũ đã qua sử dụng.

- 01 Chiếc mũ len, màu đỏ đen, đã cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Vi Văn B tài sản không phải là vật chứng của vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo thi H1nh án.

01 Chiếc điện thoại loại bàn phím số, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số serial: 355763103770701, bên trong lắp sim số: 0386845921, máy cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Đỗ Thị M tài sản không phải là vật chứng của vụ án.

01 Chiếc xe đạp bằng kim loại, màu trắng, xe cũ đã qua sử dụng.

Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12-01-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện S, tỉnh T.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo Vi Văn B và bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:

- Bị cáo Vi Văn B đã nhận thấy H1nh vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị H đã nhận thấy H1nh vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo khai phiên tòa phù H1 với lời khai tại cơ quan điều tra, phù H1 với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17-10-2022 đến ngày 24-10-2022, bị cáo Vi Văn B đã thực hiện H1nh vi trộm cắp tài sản (gà), cụ thể như sau:

- Ngày 17-10-2022, bị cáo B trộm cắp 04 con gà (loại gà ta) trọng lượng 8,3kg trị giá 913.000 đồng của ông Lý Ngọc H.

- Ngày 18-10-2022, bị cáo B trộm cắp 01 con gà trống (loại gà chọi) trọng lượng 03kg trị giá 510.000 đồng của bà Hoàng Thị H1 và trộm cắp 04 con gà (loại gà ta) trọng lượng 8,9 kg trị giá 979.000 đồng của bà Khương Thị H1.

- Ngày 19-10-2022, bị cáo B trộm cắp 04 con gà (loại gà ta) trọng lượng 8,9kg trị giá 979.000 đồng của bà Khương Thị H1.

- Ngày 22-10-2022, bị cáo B trộm cắp 01 con gà mái (loại gà chọi) trọng lượng 2,5kg trị giá 375.000 đồng của bà Hoàng Thị H1 và trộm cắp 03 con gà (loại gà ta) trọng lượng 6,7kg trị giá 737.000đồng của bà Khương Thị H1.

- Khoảng 01 giờ ngày 23-10-2022, bị cáo B trộm cắp 07 con gà (loại gà ta) trọng lượng 14,5 kg trị giá 1.595.000đồng của ông Lý Ngọc H.

- Khoảng 03 giờ ngày 23-10-2022, bị cáo B trộm cắp 07 con gà (loại gà ta) trọng lượng 15kg trị giá 1.650.000đồng của ông Vũ Văn N.

- Ngày 24-10-2022, bị cáo B trộm cắp 02 con gà (loại gà ta) trọng lượng 4,2 kg trị giá 462.000 đồng của ông Lý Ngọc H và trộm cắp 03 con gà (loại gà ta) trọng lượng 5,5 kg trị giá 605.000 đồng của bà Khương Thị H1.

Tổng số tài sản (gà) bị cáo B trộm cắp được trị giá 8.805.000đ (*Tám triệu tám trăm linh năm nghìn đồng*)

Bị cáo Nguyễn Thị H không hứa hẹn trước với bị cáo Vi Văn B về việc tiêu thụ gà do bị cáo B trộm cắp nhưng đã nhiều lần (tất cả các lần nêu trên) tiêu thụ gà của bị cáo Vi Văn B trộm cắp được mà có với tổng số tiền 5.800.000đồng. Khi mua bị cáo H biết rõ nguồn gốc tài sản (gà) là do bị cáo B trộm cắp mà có.

Tại Bản án số: 03/2016/HSST ngày 22-01-2016 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T, H1nh vi phạm tội của bị cáo B thuộc trường H1 "Tái phạm nguy hiểm" và chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này, bị cáo B thực hiện H1nh vi phạm tội với lỗi cố ý nên H1nh vi của bị cáo thuộc trường H1 "Tái phạm nguy hiểm" được xác định là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Vi Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn B tH1nh khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Vi Văn Hải được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H tH1nh khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường H1 ít nghiêm trọng bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Bá Lanh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; mẹ đẻ của bị cáo là bà Nguyễn Thị Luông được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản cá nhân có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của H1nh vi phạm tội: Xét thấy H1nh vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp và gián tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm M, phù H1 với tính chất, mức độ, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở tH1nh công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX nhận thấy không cần dùng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Văn bản H1 nhất số: 02/VBHP-TANDTC ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tối cao là phù H1 và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Vi Văn B bồi thường thiệt hại bằng với giá trị của số tài sản (gà) bị cáo B đã trộm cắp của các bị hại (Trong đó, bị hại bà Khương Thị H1 đã nhận lại 02 con gà ta có tổng trọng lượng là 3,3kg nên yêu cầu bị cáo B bồi thường thiệt hại đối với số gà còn lại). Bị cáo Vi Văn B nhất trí với yêu cầu của các bị hại. HĐXX xét thấy H1nh vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến tài sản của các bị hại gây thiệt hại. Yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của các bị hại phù H1 giá trị thực tế của tài sản bị mất. Do vây, cần chấp nhận yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của các bị hại và buộc bị cáo Vi Văn B bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Lý Ngọc H số tiền 2.970.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Khương Thị H1 số tiền 2.937.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Vũ Văn N số tiền 1.650.000đ.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị H1 số tiền 885.000đ.

Bị cáo B phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ số tiền phải bồi thường nêu trên.

Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã tạm giữ 02 con gà (loại gà ta) tổng trọng lượng 3,3kg; 01 chiếc điện thoại di động (loại bàn phím số) nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong lắp sim số 0386.845.921; 01 bao tải dứa màu da cam; 01 chiếc xe đạp màu trắng; 01 chiếc đèn pin màu trắng- xanh; 01 chiếc mũ len màu đỏ - đen.

Đối với 02 con gà ta có tổng trọng lương 3,3kg (do bị cáo Nguyễn Thị H tự giao nộp ngày 25-10-2022). Quá trình điều tra, xác định được chủ sở hữu H1 pháp của 02 con gà nói trên là bà Khương Thị H1. Ngày 27-10-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại 02 con gà nói trên cho bà H1 quản lý. Bà H1 không có ý kiến gì đối với vật chứng đã nhận lại nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 bao tải dứa màu da cam; 01 chiếc đèn pin màu trắng- xanh; 01 chiếc mũ len màu đỏ - đen là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng:

01 bao tải dứa màu da cam.

01 chiếc đèn pin màu trắng - xanh.

01 chiếc mũ len màu đỏ - đen.

Đối với chiếc điện thoại di động (loại bàn phím số) nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong lắp sim số 0386.845.921. HĐXX xét thấy, tuy bị cáo B có một vài lần sử dụng chiếc điện thoại để trao đổi việc mua bán gà trộm cắp được mà có với bị cáo H, nhưng mục đích sử dụng chiếc điện thoại này là công cụ để liên lạc H1ng ngày, không phải để sử dụng thường xuyên hay chuyên sử dụng vào việc trao đổi mua bán gà. Do vậy, chiếc điện thoại di động nói trên không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội và cần trả lại cho bị cáo Vi Văn B quản lý, sử dụng.

Trả lại cho bị cáo tài sản không phải là vật chứng của vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo thi H1nh án:

01 chiếc điện thoại di động (loại bàn phím số) nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong lắp sim số 0386.845.921.

Đối với chiếc xe đạp màu trắng, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Vi Văn B đều khai nhận chiếc đạp nói trên là tài sản bà Đỗ Thị M. Bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nhưng bà M không biết, bị cáo cũng không nói với bà M và bị cáo cũng không chuyên sử dụng chiếc xe vào việc làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Do vậy, chiếc xe đạp nói trên không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội và cần trả lại cho bà Đỗ Thị M quản lý, sử dụng.

Trả lại cho bà Đỗ Thị M tài sản không phải là vật chứng của vụ án:

01 chiếc xe đạp màu trắng.

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí:

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 422.100đ án phí dân sự có giá ngạch.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về H1nh vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện H1nh vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp bắt tạm giam với bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can; ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù H1 với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng. Do vậy các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều H1 pháp.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối với bà Đỗ Thị M không biết việc bị cáo B sử dụng xe đạp của bà M làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không xem xét, xử lý.

- Đối với những người mua gà của bị cáo H, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

- Đối với H1nh vi sử dụng ma túy của bị cáo Vi Văn B, ngày 31-10-2022, Cơ quan điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã chuyển toàn bộ tài liệu vi phạm đến Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Vi Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Vi Văn B **02** (**hai**) năm **06** (**sáu**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26-10-2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **07** (**bảy**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01** (**một**) năm **02** (**hai**) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 22-02-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H về Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh T nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối H1 với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường H1 người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi H1nh án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi H1nh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp H1nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Lý Ngọc H – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T số tiền 2.970.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Khương Thị H1 – Sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T số tiền 2.937.000đ (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho ông Vũ Văn N – Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn S, huyện S, tỉnh T số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị H1 – Sinh năm: 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố AD, thị trấn S, huyện S, tỉnh T số tiền 885.000đ (Tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trường H1 bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- 01 Bao tải dứa màu da cam đã cũ, đã qua sử dụng.
- 01 Chiếc đèn pin, màu trắng xanh, đã cũ đã qua sử dụng.
- 01 Chiếc mũ len, màu đỏ đen, đã cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Vi Văn B tài sản không phải là vật chứng của vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo thi H1nh án.

01 Chiếc điện thoại loại bàn phím số, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số serial: 355763103770701, bên trong lắp sim số: 0386845921, máy cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Đỗ Thị M tài sản không phải là vật chứng của vụ án.

01 Chiếc xe đạp bằng kim loại, màu trắng, xe cũ đã qua sử dụng.

Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12-01-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện S, tỉnh T.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

- Buộc bị cáo Vi Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 422.100đ (Bốn trăm hai mươi hai nghìn một trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cả hai án phí là 622.100đ (Sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Vi Văn B, Nguyễn Thị H; bị hại ông Lý Ngọc H, bà Khương Thị H1, bà Hoàng Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22-02-2023).

Bị hại ông Vũ Văn N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đỗ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Việt C